

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2021

V/v xin ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Ninh
2. Bà Huỳnh Thiếu Quyên

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị X (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), sinh năm 1981

HKTT: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Hiện trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

***Bị đơn:*** Ông Trần Bá T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), sinh năm 1978

HKTT: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

Hiện trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà Lê Thị X (nguyên đơn) trình bày: bà và ông Trần Bá T lấy nhau năm 2000, hôn nhân tự nguyện, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ có đăng ký kết hôn hay không. Trong thời gian chung sống có 3 con chung là các cháu Trần Bá T, sinh ngày 04/01/2003,

Trần Bá M, sinh ngày 04/12/2004, Trần Bá B, sinh ngày 20/8/2010. Tài sản chung: Có nhà và đất nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà làm đơn xin ly hôn với ông Trần Bá T là: Sau khi kết hôn cuộc sống chung không có hạnh phúc vì cả hai lấy nhau không xuất phát từ tình cảm yêu thương, do đi làm thuê gặp quen rồi quyết định lấy nhau. Sau khi kết hôn cả hai sống không cùng chí hướng, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng, anh T là người ham chơi, không lo tu chí làm ăn, một mình bà phải gánh vác gia đình, nuôi con, không nhận được sự chia sẻ từ chồng. Hai bên nhiều lần xích mích, cãi vã, ông T còn đe dọa giết bà. Bà đã cố gắng cho ông T cơ hội nhưng ông T không thay đổi, cả hai sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Do đó bà làm đơn xin ly hôn với ông T; về con chung: Theo nguyện vọng của bà muốn nuôi dưỡng các con chung, tuy nhiên nếu các cháu muốn ở với ai là theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu muốn ở với bà thì bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng; về tài sản chung: bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Bà X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Theo lời trình bày của ông Trần Bá T (*bị đơn*) trong quá trình giải quyết vụ án thì: ông và bà Lê Thị X lấy nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh N. Trong thời gian chung sống có 3 con chung là các cháu Trần Bá T, sinh ngày 04/01/2003, Trần Bá M, sinh ngày 04/12/2004, Trần Bá B, sinh ngày 20/8/2010. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì ông xác định trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ. Ông có thời gian đi xuất khẩu lao động 6 năm vì thể tình cảm vợ chồng có phai nhạt, khi ông trở về tình cảm vợ chồng không còn như trước. Những mâu thuẫn nhỏ cũng khiến đôi bên cãi vã, xúc phạm, trong lúc nóng giận ông không kiềm chế được bản thân nên có những hành động không đúng với vợ. Ông thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai sống gần như ly thân nhưng ông vẫn nói với vợ là vì con cái và vì ông là người có đạo nên không muốn ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết đơn của bà X thì về con chung, các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có. Ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Theo lời trình bày của cháu Trần Bá Mạnh thì nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là ở với mẹ; theo lời trình bày của cháu Trần Bá T thì nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là ở với mẹ.

Tại văn bản trả lời của UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh N thì ngày 12/8/2003 ông Trần Bá T và bà Lê Thị X có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là thị trấn N) theo đăng ký số 38 quyền số 1/2002.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng

dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị X. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Trần Bá T. Về con chung: Giao các cháu Trần Bá M, sinh ngày 04/12/2004, Trần Bá B, sinh ngày 20/8/2010 cho bà Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung: tự thỏa thuận; nợ chung: không. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

**1.1. Về quan hệ tranh chấp:** Bà Lê Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với ông Trần Bá T, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**1.2. Về thẩm quyền giải quyết:** Bị đơn (ông Trần Bá T) có đăng ký hộ khẩu tại thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ và hiện trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự:** Bà Lê Thị X và ông Trần Bá T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do đó, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 BLTTDS.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị X và ông Trần Bá T cưới nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện N, tỉnh N vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Bà X, ông T cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay; giữa các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Ông T cũng thừa nhận do phát sinh nhiều mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tuy nhiên ông vì con và vì là người có đạo nên ông không muốn ly hôn. Tuy nhiên HĐXX xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà X và ông T là có thật, các bên đã không còn tình cảm yêu thương, tình trạng vợ chồng cũng không còn duy trì, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị X là phù hợp.

**2.2. Về con chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X, ông T đều đồng ý các cháu muốn ở với ai là tùy theo nguyện vọng của các cháu. Theo nguyện vọng cháu Trần Bá M, sinh ngày 04/12/2004, Trần Bá B, sinh ngày 20/8/2010, muốn được ở với bà X, bà X cũng có mong muốn được nuôi dưỡng các cháu. Do đó, cần giao các cháu Trần Bá M, Trần Bá B cho bà Lê Thị X chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

**2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà Lê Thị X không yêu cầu ông Trần Bá T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

**2.4. Về tài sản chung, nợ chung:** Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có.

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị X phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị X được ly hôn với ông Trần Bá T (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Bá M, sinh ngày 04/12/2004 và cháu Trần Bá B, sinh ngày 20/8/2010 cho bà Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006553 ngày 23/6/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Trung Dũng**